PHONG TRÀO CHỐNG CHIẾN TRANH VIỆT NAM TẠI MỸ (1960 - 1975)

Charles Waugh (*)
Lê Thế Quế(**)

Mắc Na-ma-ra
Mày trốn đâu? Giữa bãi tha ma
Của toà nhà năm góc
Mỗi một góc, một châu,
Mày vẫn chui đầu
Trong lửa nóng
Như đà điểu rúc đầu trong cát bỏng.

(Tố Hữu)

Cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam kết thúc thắng lợi cách đây đã 30 năm. Đó là một cuộc chiến đấu vĩ đại được nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới ủng hộ, trong đó có nhân dân tiến bộ Mỹ.

Phong trào nhân dân thế giới chống chiến tranh xâm lược của Mỹ, ủng hộ Việt Nam đã xuất hiện từ khi đế quốc Mỹ mới bắt đầu can thiệp vào Việt Nam. Phong trào này phát triển mạnh mẽ ở các nước xã hội chủ nghĩa, lan rộng trong mọi tầng lớp nhân dân ở các nước tư bản chủ nghĩa theo đà thắng lợi ngày càng to lớn của nhân dân Việt Nam và theo đà leo thang chiến tranh của Mỹ.

Tại nước Mỹ, phong trào chống chiến tranh xâm lược Việt Nam từ chỗ lẻ tẻ, tự phát đã phát triển sâu rộng chưa từng thấy trên quy mô cả nước trong tầng lớp dân chúng, đặc biệt là thanh niên, sinh viên, trí thức, phụ nữ, người Mỹ gốc Phi, các tín đồ tôn giáo, binh lính...

Bài viết cố gắng tìm hiểu nguồn gốc, quy mô và ảnh hưởng của phong trào này tại Mỹ từ năm 1960 đến 1975.

Bất đồng ý kiến là một nét khá nổi bật trong văn hoá Mỹ. Ralph Waldo Emerson, Henry David Thoreau và nhiều nhà tiên nghiệm chủ nghĩa thế kỉ XIX đã chống lại cuộc chiến tranh Mexico và cuộc chiến tranh chống người Mỹ bản địa. Mark Twain, William Dean Howell và Đảng Tiến bộ phản đối cuộc chiến tranh chống Cuba và Phillipine vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX. Dalton Trumbo, Eugene Debs và Đảng Xã hội phản đối Hoa Kỳ tham gia Chiến tranh thế giới lần thứ nhất. Đến Chiến tranh thế giới lần thứ hai, các cuộc phản chiến xuất hiện nhưng chưa nhiều. Trong các trường hợp trên, phản chiến mới chỉ ở quy mô nhỏ và hầu như chỉ tập trung trong số ít người hoặc trong giới trí thức.

Trong chiến tranh xâm lược Việt Nam, phản chiến trở thành một phong trào, một "trận tuyến trong lòng nước Mỹ" [7]. Đó là một trận tuyến lúc đầu thì bình lặng êm ả với sự xuất hiện của những lời chỉ trích, những bài báo cáo, cuốn sách phê phán vạch trần âm mưu can thiệp của Mỹ vào Việt Nam. Khi Mỹ mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam thì các "trận tuyến" đó sục sôi với

(*) Đại học Utah, Hoa Kỳ.
(**) TS., Đại học Khoa học Xã hội & Nhân Văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

các cuộc bãi khoá của sinh viên, mít tinh, biểu tình của quần chúng, đốt thẻ quân dịch của binh lính và các cuộc xung đột giữa những người chống chiến tranh và cảnh sát.

Ngay trước khi ký Hiệp định Geneva, tháng 6 năm 1954, tờ Nguyệt san Tạp chí (Monthly Review) đã đăng bài của Leo Huberman và Paul Sweezy phản đối sự can thiệp của Mỹ ở Đông Dương: "Nhân dân Mỹ nói chung chống lại chủ nghĩa thực dân và xâm lược... nếu chúng ta đưa các lực lượng quân đội Mỹ vào Đông Dương như Dulles và những người phát ngôn cao cấp khác của Chính phủ nhiều lần đe doạ làm trong hai tháng qua thì bản thân chúng ta phạm tội xâm lược". Hai tác giả này còn kêu gọi: "Tất cả chúng ta những ai quan tâm đến tương lai của nước nhà hôm nay hãy đứng lên và nói thẳng. Ngày mai có thể sẽ quá muộn" [5].

Cuối những năm 1950 và đầu những năm 1960, phong trào phản chiến đã có tổ chức hơn nhưng còn lẻ tẻ.

Sau khi Mỹ dựng lên "Sự kiện vịnh Bắc bộ" ngày 5 tháng 8 năm 1964 để lấy cớ mở rộng chiến tranh ra cả nước Việt Nam, phong trào phản chiến đã thu hút đông đảo người tham gia bao gồm giáo chức và sinh viên các khu học đường, những người thuộc tầng lớp trung lưu ở các vùng ngoại ô, các nghiệp đoàn và cả những người trong các cơ quan của chính phủ. Năm 1965 phong trào có quy mô toàn quốc, lên đến cao trào năm 1968 và trở thành một phong trào mạnh mẽ trong suốt cuộc chiến tranh. Lan rộng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội như: chính trị, sắc tộc, văn hoá, phong trào phản chiến cho thấy sự chia rẻ sâu sắc trong xã hội Mỹ những năm 1960[4].

Phong trào phản chiến thu hút hàng trăm tổ chức, các nhà lãnh đạo và hàng triệu người tham gia vào các cuộc biểu tình, các cuộc phản kháng, tập hợp lực lượng trong khắp cả nước. Dĩ nhiên, sinh viên chiếm tỉ lệ lớn nhất trong số những người tham gia phản chiến. Có lẽ hơn những người bình thường, sinh viên vẫn tin vào lý tưởng dân chủ trong Tuyên ngôn độc lập và Dự luật nhân quyền của nước Mỹ. Và cũng chính vì vậy, họ đã phản đối cuộc chiến tranh Việt Nam với sự phẫn nộ tột cùng về mặt đạo đức. Chính họ là những người đã được học kỹ những gì xảy ra ở Việt Nam và cũng chính họ phải bất bình khi biết những gì chính phủ Mỹ tiến hành ở Việt Nam hoàn toàn mâu thuẫn với những lý tưởng cao cả của cuộc cách mạng Mỹ. Có rất nhiều tổ chức sinh viên trong gần 2500 trường đại học và cao đẳng ở Hoa Kỳ trong những năm 1960. Đồng thời cũng có nhiều tổ chức có quy mô toàn quốc. Tuy nhiên, tổ chức có vai trò nổi bật nhất là tổ chức sinh viên vì một xã hội dân chủ (Students for a Democratic Society - SDS). Về nhiều phương diện, số phận của SDS là số phận của toàn bộ phong trào phản chiến.

Khi Mỹ bắt đầu ném bom miền bắc Việt Nam vào cuối tháng 2 năm 1965, SDS đã nhanh chóng tổ chức các cuộc biểu tình ở sân bay quân sự Oakland, nơi tập kết của quân nhân Mỹ trước khi được đưa sang Việt Nam. Tại trường đại học Michigan, sinh viên và giáo viên tổ chức cuộc "Hội thảo" đầu tiên về chiến tranh Việt Nam, một cách làm tương tự như phong trào dân quyền đã làm và

thành công trong việc nâng cao nhận thức cho giới chuyên môn và công chúng về điều kiện sống của người Mỹ gốc Phi lúc bấy giờ. Hai tổ chức này coi chiến tranh là một thí dụ về cách mở rộng bộ máy đàn áp ở Hoa Kỳ trong điều kiện mới. Về mặt đạo lý, họ bất bình trước việc sinh mạng của người Việt Nam bị Chính phủ Mỹ dùng làm phương tiện để tiếp cận nguồn tài nguyên thiên nhiên và các thị trường tư bản bên kia bán cầu. Đến tháng 4 năm 1965, SDS đã tập hợp lực lượng tổ chức một cuộc biểu tình tại Washington DC với gần 25.000 người tham gia. Một điều gây ngạc nhiên cả đối với các nhà tổ chức. Các cuộc biểu tình khác tiếp tục diễn ra trong suốt cả năm: 15.000 người tuần hành ở Berkeley, California, 20.000 người biểu tình ở thành phố NewYork [2] Việc Alice Herz, Norman Morrison và Robert La Porte tự thiêu đã thực sự trở thành một cú sốc đối với cả nước khiến cho các nhà hoạt động phong trào làm tất cả những gì cần thiết để chấm dứt chiến tranh. Hành động này đã làm cho các quan chức chính phủ trong đó có Robert McNamara thấy rõ tính chất vô nhân đạo của cuộc chiến tranh.

Trong tuyên bố chống hành động của Chính phủ Mỹ ở Việt Nam gửi cho báo giới tháng 10 năm 1965, SDS nói rõ rằng họ coi vấn đề này là chuyện cố hữu trong cơ cấu xã hội Mỹ: "Chúng tôi cảm thấy rằng đây là cuộc chiến tranh hoàn toàn phi đạo lý, một cuộc chiến tranh hậu thuẫn một chế độ không đại diện cho nhân dân và một cuộc chiến làm mất đi hy vọng làm cho nước Mỹ trở thành một xã hội tốt đẹp và dân chủ thực sự.

Cam kết của SDS và của cả một thế hệ mà chúng tôi đại diện là rõ ràng: Chúng tôi mong muốn xây dựng làng mạc, chúng tôi không muốn thiêu huỷ chúng. Chúng tôi mong muốn góp phần xây dựng và thay đổi đất nước, chúng tôi không muốn phá huỷ đất nước của người khác. Chúng tôi mong muốn thúc đẩy nền dân chủ, chúng tôi không tin rằng có thể thúc đẩy dân chủ bằng tra tấn và khủng bố [6].

Trên thực tế, nhiều người Mỹ không chấp hành lệnh tham gia quân đội của chính phủ. Phong trào mồng 2 tháng 5, một tổ chức phản chiến đã công khai tuyên bố chống quân dịch. 149 người ký tên vào bản tuyên bố được đăng trên báo, nói rằng: "họ cho rằng việc Mỹ tham gia vào cuộc chiến tranh là nhằm đàn áp cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam nên chúng tôi thấy không có lý do gì dính líu vào cuộc chiến tranh đó"[1]. Tháng 8 năm 1964, Tuyên ngôn Lương tri chống chiến tranh Việt Nam với trên 4.000 chữ ký đã được gửi đến Nhà Trắng. Nhiều nhân vật nổi tiếng trong đó có TS. Benjamin Spock, một bác sĩ nhi khoa đã từng được bạn đọc biết đến trong những năm 1950 qua cuốn sách về nuôi dạy con cái của ông, và nhiều người khác đã bị bắt vì nội dung không những tuyên bố ý định của những người ký tên từ chối tham gia quân đội, mà còn khuyến khích những thanh niên khác cùng hành động. Tuyên ngôn đồng thời kêu gọi những người ngoài quân đội ngăn chặn bộ máy chiến tranh của Mỹ bằng cách từ chối chế tạo hoặc vận chuyển thiết bị quân sự, từ chối nghiên cứu hoặc phát triển vũ khí và tổ chức các

cuộc biểu tình để gây khó khăn cho nền kinh tế trong nước [8].

Phong trào phản chiến phát triển theo đà leo thang chiến tranh. Tháng 10 năm 1966, Mỹ đã đưa sang Việt Nam gần 400.000 quân và thường xuyên thực hiện các phi vụ ném bom. Thành viên của SDS đã lên tới con số 25.000 người ở hầu hết các bang. Các tổ chức phản chiến ở địa phương ít người biết đến tiếp tục tổ chức các cuộc phản đối tại các trường trên phạm vi cả nước.

Tỷ lệ của người Mỹ gốc Phi trong quân đội quá mất cân đối, đã tác động mạnh đến phong trào dân quyền... Binh sĩ da đen thấy không có lý do gì phải hy sinh tính mạng cho một cuộc chiến phân biệt chủng tộc, chiến đấu trong một quân đội phân biệt chủng tộc và vì một chính phủ phân biệt chủng tộc.

Tháng 4 năm 1967, Martin Luther King, lãnh tụ của phong trào dân quyền, người đoạt giải thưởng Nobel về hòa bình đã tham gia phong trào phản chiến với bài diễn văn tại nhà thờ Riverside ở New York. Cũng như SDS, King lo ngại về tính chất phi đạo lý của cuộc chiến tranh và những đau thương mà nhân dân và đất nước Việt Nam phải chịu đựng và những tội ác kinh tởm đó ảnh hưởng bản chất của nước Mỹ. Ông cũng dự báo: "Biểu tượng của nước Mỹ không còn là biểu tượng của cách mạng, tự do và dân chủ, mà là biểu tượng của bạo lực và chủ nghĩa quân phiệt và ông cũng cảnh báo rằng nếu nước Mỹ không chữa "căn bệnh tinh thần trầm kha" này thì phải đương đầu với những bất ổn xã hội triền miên. Chúng ta chỉ cần nhìn vào chính sách của Mỹ ở Iraq và các cuộc biểu tình hoặc chính sách thương mại của IMF, WB, WTO và các cuộc biểu tình phản đối, chúng ta có thể thấy sự sáng suốt của King. Chiến tranh càng mở rộng thì quy mô các cuộc biểu tình càng lớn. Tại NewYork, chỉ một cuộc biểu tình năm 1967 đã có tới 300.000 người tham gia trong đó lần đầu tiên có sự tham gia của tổ chức Cựu binh Việt Nam chống chiến tranh (Vietnam Veterans against the war - VVAW). Phẫn nộ trước sự lừa dối của Chính phủ và trước sự tàn ác mà họ đã chứng kiến, những cựu binh Mỹ này đã đi đầu trong phong trào phản chiến, nhiều người chống nạng hoặc ngồi trên xe lăn. Có lẽ người được nhiều người biết đến nhất trong số các cựu binh phản chiến này là John Kerry, người sau đó đã trở thành thượng nghị sĩ Mỹ và năm 2004 đã ra tranh cử tổng thống. Năm 1971 Kerry đã điều trần trước Quốc hội. Ông nói rằng ông và các cựu binh khác "nhận thấy rằng nước Mỹ đã vô cảm về đạo lý ở Việt Nam và rằng họ muốn "tìm ra và huỷ diệt tàn tích cuối cùng của cuộc chiến tranh tàn bạo này, để làm dịu nỗi lòng của chúng ta, và chiến thắng được hận thù và sự sợ hãi ám ảnh nước Mỹ trong suốt mười năm qua và những năm tiếp theo". Cuộc điều trần của Kerry được hàng vạn cựu binh Mỹ phản chiến ủng hộ. Số cựu binh này tham gia vào tất cả các cuộc biểu tình lớn từ năm 1967 trở đi.

Ngay cả lính Mỹ còn ở Việt Nam cũng phản chiến. Không tin vào mục đích của một cuộc chiến tranh không thể giành thắng lợi, nhiều binh sĩ đã nổi dậy chống lại. Năm 1970, có trên 50 tờ báo bí mật lưu hành trong các căn cứ quân sự. Năm 1972, một phần tư binh sĩ Mỹ đã

nổi dạy hoặc chống quân lệnh. Các đơn vị từ chối đi đánh nhau, việc binh lính giết sĩ quan là chuyện bình thường và khoảng một phần tư binh lính Mỹ nghiện ma tuý. Năm 1974, Bộ Quốc phòng Mỹ tiết lộ thêm nhiều bằng chứng về những hành động phản chiến của binh lính Mỹ. Những bằng chứng này cho thấy từ 1/7/1966 đến 31/12/1973 có 503.926 trường hợp đào ngũ. Năm 1968 đánh dấu bước ngoặt trong chiến tranh và đồng thời cũng là bước ngoặt lớn trong phong trào phản chiến. Đây là năm số quân Mỹ ở Việt Nam lên đến 540.000 một con số cao nhất. Phong trào phản chiến đồng thời cũng phát triển với quy mô lớn hơn, ngày càng có nhiều người bị lương tâm cắn rứt phải lên tiếng công khai chống chiến tranh. Cuộc tổng tiến công tết Mậu Thân thực sự là một cú sốc đối với công chúng Mỹ vì ngay trước đó tướng William Westmoreland vừa mới đảm bảo với họ rằng cuộc chiến tranh sắp giành thắng lợi, rằng ông ta có thể nhìn thấy "ánh sáng ở cuối đường hầm". Nhà báo có uy tín nhất nước Mỹ là Walter Cronkite đã tuyên bố rằng cuộc chiến là "bất khả chiến thắng". Mặc dù ông không phải là người đầu tiên trong giới truyền thông nói lên điều này nhưng ý kiến của ông rốt cuộc đã thuyết phục nhiều người trước đó vẫn tin vào chủ nghĩa biệt lệ, làm cho nước Mỹ "không thể bị đánh bại bằng sức mạnh của vũ khí", như Lyndon Johnson nói.

Việc chuyển hướng hoạt động phản kháng của những người ôn hoà đã làm tăng số người tham gia biểu tình. Mùa thu năm 1969, nhà hoạt động của phong trào là Sam Brown quyết định liên hệ với những người ôn hoà nản lòng và tổ chức một cuộc biểu tình thức tỉnh họ. Tạm ngưng hoà bình (Peace Moratoriums) - tên gọi của các cuộc biểu tình này - được quảng cáo trước như là hình thức phản kháng "chủ đạo". Các cuộc biểu tình hoà bình, khá êm ả diễn ra trong các công viên, bãi cỏ nên cảnh sát không thể lấy cớ cản trở giao thông hoặc buôn bán để giải tán. Các cuộc Tạm ngưng hoà bình rất thành công. Cuộc biểu tình đầu tiên dưới hình thức này được tổ chức ngày 15 tháng 10, thu hút gần 500.000 người đến Washington DC. Cuộc thứ hai tổ chức ngày 15 tháng 11 với 150.000 người kéo về San Francisco. Cả nước có khoảng từ 20 - 30 triệu người tham gia [9].

Tuy nhiên, tác động của các cuộc biểu tình này đối với công chúng nói chung không khích lệ. Một học giả Mỹ đã chỉ ra một cách thuyết phục rằng những người chống chiến tranh ít có ảnh hưởng tích cực đối với công chúng "chủ đạo". Trong khi những người biểu tình phản đối chiến tranh dạy dứt về lương tâm, kinh hoàng trước tính chất bất hợp pháp và phi đạo lý của cuộc chiến tranh, xúc động trước cảnh tàn phá cuộc sống con người và môi trường thì nước Mỹ "chính thống" lúc đầu vẫn tỏ ra có xu hướng ủng hộ chính sách của Tổng thống. Mãi đến sau Tết năm 1968 họ mới phản đối và cuối cùng mới tin rằng nước Mỹ không có khả năng giành chiến thắng. Nếu theo dõi các cuộc biểu tình lớn và các cuộc thăm dò dư luận công chúng theo dòng các sự kiện với câu hỏi liệu cuộc chiến tranh Việt Nam có phải là một sai lầm không thì chúng ta thấy rất rõ động lực của phong trào.

Những người chống chiến tranh dạy dứt về lương tâm là những người tích cực

nhất tham gia những cuộc biểu tình lớn nhất phản đối những hành động tấn công quân sự của Mỹ như ném bom miền Bắc, gia tăng lực lượng quân sự, vụ thảm sát Mỹ lai và việc Mỹ xâm lược Campuchia. Ngược lại các sự kiện trên ít tác động đến công chúng chính thống. Thay vào đó, chỉ sau khi con số thương vong của lính Mỹ tăng lên thì công chúng "chính thống" mới lên tiếng chống chiến tranh mạnh mẽ hơn, đặc biệt sau Tết 1968 [3] mới có sự thay đổi đáng kể. Nói một cách khác đạo lý của công chúng Mỹ "chính thống" là một thứ đạo lý hết sức ích kỷ bởi lẽ, trong khi họ thừa nhận chiến tranh là một sai lầm quân sự thì họ không chịu thừa nhận đó là sai lầm mang tính xã hội, văn hoá, chính trị hoặc thậm chí là một sai lầm mang tính nhân đạo. Số người này không phản đối việc giết người vô tội, họ chỉ phản đối chiến tranh vì cuộc chiến tranh không thể thắng được. Vì công chúng "chính thống" Mỹ không bị tác động bởi các cuộc tranh luận về đạo lý nên phong trào chống chiến tranh không thuyết phục họ nhiều. Thực tế cho thấy, các cuộc thăm dò dư luận giai đoạn 1965 - 1973 chứng minh rằng càng về sau công chúng "chính thống" phản đối chiến tranh mạnh mẽ hơn nhưng đồng thời họ cũng lại phản đối gay gắt những người chống chiến tranh.

Mặc dù, phong trào phản chiến không lôi kéo được công chúng "chính thống" và không thực hiện được mục đích cải biến xã hội Mỹ như dự kiến, song phong trào có những tác động lâu dài. Với nhiều người Mỹ, phong trào giúp họ làm tiêu tan huyền thoại nguy hiểm về chủ nghĩa biệt lệ (exceptionalism) và chủ nghĩa chiến thắng (triumphalism), những huyền thoại khiến Hoa Kỳ can thiệp vào Việt Nam. Phong trào này cũng giúp cho người ta biết tự vấn lương tâm hơn là dựa vào Chính phủ khi cần phải xác định đúng sai. Không bao giờ Tổng thống Mỹ có thể giành được sự ủng hộ của số đông người Mỹ đối với các hành động can thiệp quân sự nữa. Ngay cuộc chiến tranh ở Iraq hiện nay chỉ được chưa đến một nửa số người Mỹ ủng hộ. Về mặt chính trị, phong trào chống chiến tranh trong những năm 1960 và đầu những năm 1970 làm cho nhiều người, ngay cả những người không tham gia phong trào, tin rằng không có bất cứ sự thật nào cho huyền thoại rằng "họ ở Washington biết" những gì có lợi nhất là tốt nhất cho đất nước. Có lẽ người ta hiểu đúng điều này nhất chỉ khi quay trở lại với chủ nghĩa hoài nghi đối với chính phủ, một thứ hoài nghi tồn tại trước khi Mỹ cần củng cố sức mạnh và kiềm chế nỗi sợ hãi về chủ nghĩa cộng sản trong cuộc chiến tranh lạnh.

Martin Luther King đúng khi ông tuyên bố: "Biểu tượng của nước Mỹ sẽ không bao giờ còn là biểu tượng của cách mạng, tự do và dân chủ, mà là biểu tượng của bạo lực và chủ nghĩa quân phiệt". Ngày nay, cuộc chiến tranh ở Iraq lại là một triệu chứng mới của "một căn bệnh trầm kha" trong tâm linh với Mỹ. Phong trào chống chiến tranh cần phải làm cho người ta nghe được tiếng nói phản kháng của mình như thế hệ chống chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam đã từng làm. Bởi lẽ, hơn mọi điều khác, phong trào phản chiến ở Mỹ là bằng chứng duy nhất cho toàn thế giới thấy rằng liệu nước Mỹ thực sự có lương tri không.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Declaration of Conscience Against the War in Vietnam*, Catholic Worker, Committee for Nonviolent Action, Student Peace Union, and the War Resister's League (New York, 1965).
2. SDS States Opposition to the War, 1965, *Major Problems in the History of the Vietnam War: Documents and Essays*, ed. Robert J. McMahon, (Lexington, Mass: DC Heath & Co, 1990), p.476-77.
3. Howard Schuman, Two Sources of Anti War Sentiment in America, *The American Journal of Sociology*, Vol 78, No 3 (Nov 1972), 513-536.
4. Mark Barringer, *The Anti-war Movement in the United States from Encyclopedia of the Vietnam War: A Political, Social, and Military History*, Ed. Spencer C.Tucker, Oxford, Bailey, 1998.
5. Marvin Gettleman, et al, *Vietnam and America- The Most Comprehensive Documented History of the Vietnam War*, Grove Press, New York, p.295
6. May 2[nd] Movement, "We Won't Go," Alice Lynd, ed., *We Won't Go* (Boston: Beacon Press, 1968), p.203.
7. Michael Maclear, *Việt Nam - Cuộc chiến tranh mười nghìn ngày*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1990, tr.154.
8. Stanley Karnow, *Vietnam: A History*, New York: Viking, 1983,
9. Tucker, *Encyclopedia of the Vietnam War*, BBC online, <http://www.bbc.co.uk/dna/h2g2/A3768609.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., HUMAN, T.XXI, N_o2, 2005

THE ANTI-VIETNAM WAR MOVEMENT IN THE UNITED STATES 1960 - 1975

Dr. Charles Waugh

State University of Utah, USA

Dr. Le The Que

College of Social Sciences and Humanities, VNU

The Vietnamese people's anti-Vietnam War movement-US imperialism resistance triumphed thirty years ago. It was strongly supported by progressive-minded people around the world, including those in the United Sates. The anti-Vietnam war movement emerged in socialist countries as soon as American involvement in Vietnam started and it quickly spread to capitalist countries, attracting all social walks. It became stronger as the Vietnamese people gained greater victories and the war escalated.

In the United States, the anti -Vietnam war movement - 1960-1975, which started with sporadic and spontaneous protests, came to develop into a nationwide, far-reaching movement. It involved large sections of the population including young people, students, women, artists, African American, religious believers, soldiers, etc.

The paper attempts to explore the movement, focusing on its origins, nature and especially its impact on American society.